

VỀ CẢI CÁCH CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁO DỤC

• **NGUYỄN QUANG KÍNH**

Mở đầu - Xác định phạm vi thảo luận

1. Sau hơn hai mươi năm đổi mới, giáo dục nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém, bất cập và lạc hậu. Xét cả về quy mô và chất lượng, hệ thống giáo dục (HTGD) chưa đáp ứng được các yêu cầu dân trí, nhân lực, nhân tài của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội (KTXH). Về mặt quản lý nhà nước, chủ trương và giải pháp đổi mới giáo dục còn có tính chấp vá, không đồng bộ, thiếu nhất quán. Những nhận định trên đây đã được nhiều nhà giáo, nhà khoa học, nhà hoạt động xã hội đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như trong một số cuộc hội nghị, hội thảo và gần đây nhất, trong báo cáo của nhóm nghiên cứu đề tài B1-2 TMKH. Theo đó, để khắc phục tình trạng yếu kém, bất cập và lạc hậu, cần thiết phải tiến hành một cuộc cải cách giáo dục (CCGD). [1] [2] [3]

2. CCGD ở đây được quan niệm là sự đổi mới cơ bản, toàn diện nhằm làm cho HTGD phù hợp với điều kiện mới và đáp ứng các yêu cầu mới của đất nước. Sự đổi mới cơ bản, toàn diện ấy bao gồm: (i) đổi mới về tư tưởng giáo dục (trước hết là lí luận/ triết lí về sứ mạng và mục tiêu giáo dục...), (ii) đổi mới về cơ cấu HTGD, (iii) đổi mới về nội dung và phương pháp giáo dục (chương trình, giáo trình, sách giáo khoa...), (iv) đổi mới về công tác đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ giáo chức, (v) đổi mới về huy động nguồn lực để phát triển giáo dục; (vi) đổi mới về khung khổ pháp lí cho việc tổ chức và hoạt động của HTGD và (vii) đổi mới về công tác quản lí giáo dục (QLGD). [4] [5]

3. Bài viết này xin tập trung thảo luận về cải cách công tác QLGD, với quan niệm: cải cách công tác QLGD là khâu đột phá trong tổ chức thực hiện CCGD. Những vấn đề được đề cập bao gồm:

- Nhận diện một số khác biệt chính yếu của HTGD giữa hai trường hợp: trong nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung (sau đây nói gọn là kinh tế kế hoạch hóa tập trung) và trong

nền kinh tế theo cơ chế thị trường (sau đây nói gọn là kinh tế thị trường);

- Nhận thức về đặc điểm của giáo dục với tư cách là một "hàng hóa đặc biệt" và vai trò của Nhà nước đối với giáo dục trong cơ chế thị trường;

- Quan niệm về đổi mới tư duy giáo dục xem đó là nhân tố quan trọng để cải cách công tác QLGD;

- Thảo luận về những xu hướng phát triển giáo dục liên hệ với thực trạng giáo dục Việt Nam;

- Nhận thức về yêu cầu đặt ra đối với HTGD - mục tiêu phát triển đất nước, công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH), hội nhập quốc tế;

- Kiến nghị về nội dung/ nhiệm vụ cải cách công tác QLGD.

Khác biệt về cách ứng xử của Nhà nước trong kinh tế kế hoạch hóa tập trung và trong kinh tế thị trường xét từ góc độ quản lí giáo dục

4. Cho đến nay, lịch sử đã khẳng định, cơ chế thị trường là cơ chế kinh tế có hiệu quả nhất mà loài người đã đạt được và là sự bảo đảm phát triển bền vững cho xã hội [6]. Việc từ bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung để chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đối với nước ta, là kết quả của sự đổi mới sâu sắc về tư duy, một sự lựa chọn rất khó khăn nhưng đã đạt được nhiều thành công. Riêng đối với lĩnh vực giáo dục, mặc dù đã có nhiều thay đổi, song trong công tác quản lí nhà nước, vẫn còn không ít biểu hiện của cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Để khắc phục tình trạng đó, rất cần nhận diện sự khác biệt về cách ứng xử của Nhà nước đối với giáo dục trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung và trong cơ chế thị trường cũng như thuộc tính đặc thù của HTGD trong từng trường hợp.

5. Từ góc độ QLGD, có thể nêu ra ba khác biệt chính yếu của HTGD trong trường hợp hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung và trong trường hợp hoạt động theo cơ chế thị trường, qua đó thể hiện rõ cách ứng xử của Nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục trong từng trường hợp.



	HTGD trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung	HTGD trong cơ chế thị trường
1	Nhà nước độc quyền tổ chức, điều hành/ Tính bao cấp nặng nề	Nhà nước chia sẻ trách nhiệm tổ chức, điều hành/ Xã hội hóa cao
2	Quản lý tập trung/ Nhà trường hoạt động theo sự chỉ đạo của cấp trên và chịu trách nhiệm giải trình với cấp trên	Quản lý phi tập trung/ Nhà trường có quyền tự chủ và có trách nhiệm giải trình trước cộng đồng, trước xã hội
3	Tính đơn nhất đóng vai trò chủ đạo/ Giải pháp thiên về một phương án/ Thống nhất đồng nhất với duy nhất/ Nhu cầu lựa chọn không được tính đến	Tính đa dạng đóng vai trò chủ đạo/ Giải pháp thiên về nhiều phương án/ Thống nhất không có nghĩa là duy nhất/ Nhu cầu lựa chọn là một nguyên tắc phải theo

Xin lưu ý là, những thuộc tính của HTGD trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung được rút ra từ sự quan sát mang tính thực chứng đối với các HTGD ở Liên Xô và Đông Âu trước đây cũng như ở Trung Quốc trước cải cách, mở cửa, và ở nước ta trước ngày đổi mới; cũng vậy, những thuộc tính của HTGD trong cơ chế thị trường được rút ra từ sự quan sát mang tính thực chứng đối với các HTGD ở các nước tư bản chủ nghĩa. Những thuộc tính ấy là đặc thù (tối thiểu vừa đủ) để có thể làm dấu hiệu phân biệt giữa hai trường hợp, nghĩa là ngoài các thuộc tính ấy còn có thể kể thêm những thuộc tính khác của HTGD tương ứng với sự tác động của từng cơ chế kinh tế. Ở đây có một sự e ngại là, không rõ một sự khái quát hóa như vậy có thích hợp với HTGD ở các nước có nền kinh tế thị trường nhưng đồng thời tồn tại một tôn giáo đóng vai trò quốc đạo (như đạo Hồi) hay không, nhất là đối với thuộc tính thứ ba: thống nhất là duy nhất hay thống nhất trong đa dạng?

6. Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, HTGD “hoàn toàn thuộc Nhà nước”, nhà trường có vai trò “công cụ chuyên chính” của giai cấp lãnh đạo, tư nhân không được phép mở trường. Trong cơ chế thị trường, giáo dục là của xã hội, Nhà nước chia sẻ trách nhiệm với xã hội dân sự để phát triển giáo dục. Khái niệm xã hội hóa được đưa ra trong những năm đầu thời kì đổi mới nhằm mô tả quá trình huy động thêm nguồn lực tài chính trong xã hội thay vì Nhà nước bao cấp hoàn toàn cho HTGD (biểu hiện đầu tiên là trường công lập có thu học phí). Nhưng cần lưu ý là việc Nhà nước bao cấp hoàn toàn cho người học không phải là đặc điểm riêng có của HTGD ứng với nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Đối với một số nước tư bản chủ nghĩa (TBCN) phát triển ở Tây Âu, Nhà nước đã sử dụng công quỹ để bao cấp hoàn toàn cho việc

học hành của thanh thiếu niên.

7. Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, cơ quan quản lý giáo dục ở cấp trung ương nắm toàn bộ quyền điều hành hoạt động giáo dục. Mọi chỉ tiêu kế hoạch đều mang tính pháp lệnh do cấp trên quyết định, rồi phân bổ cho cấp dưới. Dòng chảy chỉ tiêu nhiệm vụ và kinh phí bắt đầu từ cơ quan trung ương qua các cơ quan quản lý trung gian (nhận ở cấp trên, phân bổ lại cho cấp dưới), cuối cùng kết thúc ở cấp cơ sở. Ngay cả sách giáo khoa cũng được xem là có tính pháp lệnh. Quyền hạn của người đứng đầu cơ sở giáo dục, kể cả trường đại học, cũng bị hạn chế, không được tự chủ về tài chính và quản lý nhân sự. Trong cơ chế thị trường, quyền lực được phân cấp theo nguyên tắc phi tập trung hóa căn cứ vào các quy định pháp lí, nguồn lực dành cho giáo dục được xã hội hóa, người đứng đầu cơ sở giáo dục có quyền tự chủ và có trách nhiệm giải trình với cộng đồng, với xã hội.

8. Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, khái niệm thống nhất được hiểu là duy nhất. Để bảo đảm yêu cầu thống nhất, Nhà nước mở một loại hình trường (trường công lập thuộc sở hữu của nhà nước), ban bố một loại chương trình (ngay cả ở đại học, cao đẳng, trung cấp), xuất bản một loại giáo trình, một loại sách giáo khoa... Nhìn chung, đơn nhất là tính trội và áp đặt (rất ít cơ hội lựa chọn) trở thành nguyên tắc chủ đạo của HTGD. Trong cơ chế thị trường, thống nhất không có nghĩa là duy nhất. Để bảo đảm yêu cầu thống nhất, Nhà nước quy định khung khổ pháp lý, tạo ra sự thống nhất trong đa dạng. HTGD có nhiều loại hình trường (trường công, trường tư với nhiều hình thức sở hữu), nhiều loại chương trình, nhiều loại sách giáo khoa, giáo trình... Nhìn chung, đa dạng là tính trội và quyền lựa chọn trở thành nguyên tắc chủ đạo của HTGD.

Giáo dục với tư cách là “hàng hóa đặc biệt” – Vai trò của Nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục trong cơ chế thị trường

9. Hiện nay, trước tình trạng nguồn tài chính chưa đủ để bảo đảm cho hoạt động giáo dục, không ít nhà quản lý giáo dục đang loay hoay tháo gỡ, tìm lời giải cho câu hỏi: “Hoạt động giáo dục với ý nghĩa nhân văn rất cao có phải là một dịch vụ/ hàng hóa hay không? Nếu là dịch vụ/ hàng hóa thì chuyện mua bán dịch vụ/ hàng hóa đó ra sao?” Và một số nhà quản lý giáo dục hy vọng áp dụng công nghệ “mua – bán dịch vụ/ hàng hóa” (một cách đơn giản) để giải quyết nguồn lực phát triển giáo dục.

Để giải quyết vấn đề, trước hết cần thấy một đặc điểm nổi bật của cơ chế thị trường, khác với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, là không có “cửa chùa” theo kiểu “nước sông công lính”, mọi hoạt động đều cần kinh phí, vấn đề là ai chịu trách nhiệm chi trả cho hoạt động đó và, đối với người chịu trách nhiệm chi trả, dù là Nhà nước hay tư nhân, thì yêu cầu tất yếu là chi trả thế nào để tiết kiệm và đạt hiệu quả cao. Với lĩnh vực giáo dục, xã hội đã chấp nhận về nguyên tắc có sự chia sẻ kinh phí giữa Nhà nước và người học hoặc gia đình người học. Ngoài hai nguồn trên, còn có phần kinh phí bổ sung do cơ sở giáo dục thu được từ các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và khoản tài trợ của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước. [7]

10. Điều dễ được xã hội đồng thuận là nhà trường không phải là nơi có thể hành xử theo kiểu “tiền trao cháo múc”. Xã hội cũng không thể chấp nhận những hành động tiêu cực: mua bằng, bán điểm, gian lận thi cử, ép buộc người học phải bỏ tiền để tăng thu nhập cho người dạy. Hơn nữa, cần kiên quyết khắc phục tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa giáo dục để mở trường ô ạt, tuyển sinh vượt quá khả năng bảo đảm chất lượng cốt tăng thu nhập cho giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục (thậm chí, thực hiện cả những biện pháp không minh bạch). Sau khi đã gạt bỏ những yếu tố thị trường hóa giáo dục có tính “nông cạn/méo mó” nêu trên, cần xem xét giáo dục trên bình diện kinh tế học, để chấp nhận rằng giáo dục là một dịch vụ công cộng (public service)/ một hàng hóa đặc biệt (special goods). Những đặc tính riêng của loại hàng hóa này là: tính lan tỏa của giá trị sử dụng; thời gian tích lũy dài, chi phí đơn vị ngày càng cao. [3] [7]

11. Tính lan tỏa của kết quả giáo dục thể hiện ở chỗ giáo dục không chỉ mang lại lợi ích cho riêng đối tượng giáo dục (người học), mà

còn mang lại lợi ích cho gia đình, cho cộng đồng và xã hội. Tình trạng thất học, không những làm giảm vốn con người của riêng người đó mà còn giảm vốn con người của cả xã hội. Tệ hơn nữa, mỗi người thất học là một ứng viên cho nguồn cung cấp nhân lực của nhiều tệ nạn xã hội. Hệ quả là, theo nguyên tắc sòng phẳng của cơ chế thị trường, xã hội (bên được lợi) mà người đại diện là Nhà nước phải cùng cá nhân chi trả cho việc học tập. Đồng thời, điều này cũng phản bác lại ý tưởng buộc người học chi trả ngang bằng chi phí đơn vị (unit cost) của quá trình giáo dục. [3] [7]

12. Giáo dục là quá trình tích lũy lâu dài, người học không thể sử dụng kết quả học tập ngay khi đang học. Đối với chương trình tiểu học, lợi ích kinh tế cho người học (một đứa trẻ) là xa vời, đối với chương trình dạy một nghề ngắn hạn, lợi ích kinh tế cho người học (người trưởng thành) thiết thân hơn. Cái lợi đối với người học càng lớn, càng sát sườn khi theo học chương trình đại học/sau đại học (dễ kiếm việc làm với thu nhập cao/được đề bạt/được tăng lương). Thế nhưng, muốn học được các chương trình có lợi ích thiết thân không thể không học các lớp trước, bắt đầu từ tiểu học. Ở đây có một nguy cơ tiềm ẩn, người nghèo với thu nhập thấp, phải lo giải quyết nhu cầu trước mắt (cái ăn/ cái mặc), không có điều kiện lo việc lâu dài (học hành của con cái). Vì vậy, Nhà nước (người đại diện cho lợi ích xã hội) phải lấy việc duy trì và phát triển giáo dục làm nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của mình. Những điều vừa trình bày là lí do giải thích tại sao trong cơ chế thị trường, Nhà nước thực hiện bao cấp về giáo dục cơ sở, chỉ có thể thu hồi một phần chi phí thông qua học phí ở các cấp học cao hơn và học phí (tỉ lệ % do cá nhân/ gia đình chia sẻ với Nhà nước) tăng lên theo cấp học nhất là ở giáo dục nghề nghiệp (GDNN)/ giáo dục đại học (GDĐH). Mặc dầu vậy, Nhà nước vẫn phải có chính sách trợ giúp người nghèo tiếp cận giáo dục ở các bậc học trên để bảo đảm sự công bằng về cơ hội, đồng thời bảo đảm yêu cầu bồi dưỡng nhân tài vì lợi ích xã hội. [3] [7]

13. Trong công nghiệp giáo dục, xin được gọi như thế, KHCN và KTXH càng phát triển, thì chi phí đơn vị không những không giảm đi (như các ngành công nghệ khác) mà lại còn tăng lên [3] [7]. Thực tế cho thấy, ở các nước phát triển, dịch vụ giáo dục đại học là một dịch vụ cực kì đắt đỏ và không ngừng tăng lên, học phí ở bậc học này là một khoản chi lớn. Điều đó gợi ý nên cần nhắc kĩ trước những đề nghị “xã hội hóa triệt để”, nghĩa là tư nhân hóa hoàn toàn đối với giáo dục

đại học. Các trường đại học đỉnh cao trên thế giới như Harvard đều có sự hỗ trợ rất lớn từ Nhà nước. Ví dụ ở Mỹ, một gia đình cho con 40.000 USD để học tại một trường đại học đỉnh cao thì nhà trường và Nhà nước phải bỏ ra 100.000 USD để đào tạo. Người ta làm như vậy bởi vì Nhà nước và xã hội cần một đội ngũ những người xuất sắc (nhân tài).

14. Từ những lập luận ở trên, có thể rút ra hai kết luận:

Thứ nhất: Trong phạm vi hoạch định chính sách, cần xóa bỏ ảo tưởng cho rằng thị trường hóa giáo dục là giải pháp cơ bản để vực dậy và chấn hưng nền giáo dục, nhờ đó thúc đẩy giáo dục phát triển cả về quy mô và chất lượng. Nhóm các tác giả Đề án cải cách giáo dục Việt Nam¹, trong đó có nhiều nhà kinh tế đã viết: “Thật ngây thơ và hoàn toàn không có cơ sở nếu cho rằng thị trường hóa giáo dục sẽ nâng cao chất lượng giáo dục và cứu nó khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay bởi vì chưa nước nào trên thế giới làm được điều này, và cũng chưa nước nào chủ trương như thế” [3].

Thứ hai: Cơ chế thị trường không hề làm giảm trách nhiệm của Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục mà thực ra, nhờ bớt phải trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh như trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước có thể và cần phải tập trung nhiều hơn vào công việc giáo dục trên cơ sở khẳng định giáo dục là lợi ích công. Để đạt hiệu quả cao trong việc cầm trịch quy trình phát triển giáo dục, Nhà nước phải hoàn thiện hệ thống pháp lí, tất nhiên các quy phạm pháp luật phải tuân thủ các quy luật của thị trường (quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh...). Đồng thời, khuyến khích mở rộng hệ thống trường tư không vì mục đích lợi nhuận, mạnh dạn áp dụng mô hình quản lí các doanh nghiệp tư nhân vào cơ sở công lập (trước hết về mặt tài chính ở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học). [1] [3] [7].

Định hướng XHCN và các yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế đối với giáo dục

15. Định hướng xã hội chủ nghĩa cần được hiểu là nhằm đạt mức độ cao hơn về tiến bộ xã hội mà trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước đã xác định một cách cô đọng: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Trên cơ sở nhận thức mang tính tổng hợp từ các văn kiện của Đảng và Nhà nước, có thể cụ thể hóa mục tiêu này bằng một số tiêu chí

(chắc còn thô sơ, cần bổ sung):

a) Lực lượng sản xuất phát triển, hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm ngày càng tăng, kinh tế tăng trưởng nhanh, có chất lượng và bền vững;

b) Hệ thống pháp luật được bổ sung, hoàn chỉnh, nhà nước pháp quyền XHCN được củng cố, tăng cường, dân chủ xã hội được mở rộng, nghĩa vụ và quyền lợi chính đáng của nhân dân được tôn trọng;

c) Văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, khoa học phát triển, an sinh xã hội được cải thiện, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội bị đẩy lùi/hạn chế;

d) Môi trường sinh thái được bảo vệ và cải thiện, tài nguyên thiên nhiên được khai thác một cách hợp lí, đối với một số nguồn (như rừng, nước, thủy hải sản...) có sự kết hợp giữa khai thác và phục hồi;

e) Con người càng ngày càng có thêm điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận cơ hội phát triển về thể chất, phẩm chất, trí tuệ; được lao động và hưởng thụ một cách công bằng đối với những thành quả phát triển của xã hội.

16. CNH, như định nghĩa của Từ điển bách khoa VN, là “quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lí kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.” [4] Trước đây, các nhà hoạch định chính sách ở các nước XHCN quan niệm: đối với các nước kinh tế kém phát triển và trong thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, “nội dung có tính nguyên tắc [của CNH] là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng” [4]. Ngày nay, “thông qua việc mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, CNH không nhất thiết phải như vậy “mà phát triển các ngành có tiềm năng, ưu thế lớn, có khả năng sử dụng kĩ thuật và công nghệ có hiệu quả cao nhất.” [4] Rõ ràng, CNH, HĐH là quá trình thay đổi sâu sắc không chỉ về kinh tế, mà cả về xã hội và môi trường thiên nhiên.

17. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã xác định, đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp. Phát triển và hoàn thiện chủ trương, quan điểm của Đảng, Đại hội lần thứ IX lại bổ sung, đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. [9] Điều đó có nghĩa là, phải phấn đấu để không ngừng

¹ Do GS. Vũ Quang Việt (ở Hoa Kỳ) điều phối với sự tham gia của một số giáo sư ở Nhật, Úc, Pháp và Việt Nam.

nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển KTXH, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Đo mức độ phát triển kinh tế tri thức, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra chỉ số KEI là giá trị trung bình của bốn chỉ số thành phần. Đó là, chỉ số kinh tế- thể chế, thể hiện chế độ kinh tế và thể chế sử dụng có hiệu quả tri thức, thúc đẩy khả năng tạo ra các nghề nghiệp mới phù hợp với sự phát triển KTXH; chỉ số sáng chế- phát minh, thể hiện khả năng tiếp thu, vận dụng và sáng tạo công nghệ mới của các công ty, các trung tâm nghiên cứu khoa học và các trường đại học; chỉ số giáo dục và đào tạo, thể hiện dân chúng được học tập và có kĩ năng sản sinh, chia sẻ và ứng dụng tri thức; và cuối cùng, chỉ số hạ tầng thông tin, thể hiện điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc, truyền bá và xử lí thông tin một cách có hiệu quả. Rõ ràng là, trong bốn chỉ số đó, giáo dục và đào tạo chỉ là một, nhưng suy đến cùng thì sự phát triển giáo dục và đào tạo tác động đến cả ba chỉ số còn lại. Do vậy, xây dựng một nền giáo dục có chất lượng và hiệu quả cao chính là kiến tạo một trong những cột trụ của kinh tế tri thức, bảo đảm để nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. [10]

18. Xuất phát từ nhận thức về vai trò của con người đối với quá trình CNH, HĐH, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định: "Giáo dục và đào tạo (cùng với khoa học và công nghệ) là nền tảng và động lực thúc đẩy CNH, HĐH". Bởi vì, trong điều kiện mới (kinh tế tri thức, công nghệ thông tin – truyền thông, toàn cầu hoá) trong quá trình CNH, HĐH cũng như trong mọi quá trình phát triển khác về KTXH, con người vừa là chủ thể vừa là đối tượng (vừa thúc đẩy sự phát triển vừa bị thúc ép của chính sự phát triển). Vì vậy, muốn thực sự là nền tảng và động lực thúc đẩy CNH, HĐH, thì giáo dục phải làm tốt cả ba nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Về mặt dân trí, giáo dục phải góp phần khắc phục những biểu hiện thấp kém, tiêu cực trong xã hội, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ lối sống và cách nghĩ, tập quán và tác phong, tư tưởng và ý thức phù hợp với một xã hội công nghiệp, hiện đại mà hạt nhân là tôn trọng những giá trị đạo đức (quan trọng nhất là lòng nhân ái, tính trung thực và tinh thần trách nhiệm). [1]

Về mặt nhân lực, giáo dục phải giúp thế hệ trẻ có kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp, tư duy sáng tạo và khả năng tự học để tiếp nhận công nghệ mới và để sẵn sàng thay đổi công việc khi cần thiết. [1]

Về mặt nhân tài, các cơ sở giáo dục phải là

vườn ươm cho sự phát triển năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, phải là nơi tôn trọng đầu óc tưởng tượng và khát vọng vươn tới đỉnh cao, phải là môi trường tự do cho sự phát triển lành mạnh về nhân cách. [1]

(Còn nữa)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bình và một số nhà giáo, nhà khoa học, *Báo cáo tổng kết đề tài "Luận cứ khoa học cho việc đề xuất chủ trương, chính sách giáo dục phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu và đầy đủ"*, 2007-2008.
2. GS. Hoàng Tuy và một số nhà khoa học, nhà văn, nhà văn hóa, *Kiến nghị của Hội thảo về chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa giáo dục* (2004).
3. GS. Vũ Quang Việt và các thành viên trong nhóm nghiên cứu giáo dục Việt Nam, *Đề án cải cách giáo dục Việt Nam*, 2008.
4. Bách khoa toàn thư Việt Nam, <http://bachkhoatoanthu.gov.vn/news.aspx>
5. Viên Chấn Quốc, *Luận về cải cách giáo dục*, bản dịch của Bùi Minh Hiền, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Kornai János, *Lịch sử với những bài học – Bài học chuyển đổi từ Đông Âu*, do Nguyễn Quang A tuyển dịch, NXB Tri thức, Hà Nội 2008.
7. *Luật Giáo dục 2005*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. GS. Phạm Phú, *Những chủ đề cần cải cách và 9 kiến nghị về "xã hội hóa nguồn lực"* – Báo cáo chuyên đề tham gia đề tài B1-2 TMKHXH.
9. Jacques Delors, *Học tập: Kho báu tiềm ẩn*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
10. Edgar Morin, *Thách đố của thế kỉ XXI – Liên kết tri thức*, Bản dịch của Chu Tiến Anh và Vương Toàn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. TSKH Phạm Đỗ Nhật Tiến, *Giáo dục Việt Nam: Vị trí trên bản đồ thế giới và xu thế vận động* – Báo cáo chuyên đề tham gia đề tài B1-2 TMKHXH.
12. GS.TSKH Nguyễn Minh Đường, *Thực trạng và giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp*.
13. GS.TSKH Lâm Quang Thiệp, *Một số vấn đề về giáo dục đại học nước ta hiện nay* (qua phân tích hiện trạng và tổng hợp ý kiến chuyên gia).
14. Ủy ban Cải cách giáo dục trực thuộc Tổng thống Hàn Quốc, *Cải cách giáo dục cho thế kỷ XXI – Bảo đảm để dẫn đầu trong kỉ nguyên thông tin và toàn cầu hóa*, bản dịch của Nguyễn Quang Kính và Phạm Đỗ Nhật Tiến dịch, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
15. Ban Khoa giáo trung ương, *Triển khai Nghị quyết Đại hội X trong lĩnh vực khoa giáo*, NXB Chính trị Quốc gia.

SUMMARY

The author discusses some issues in reforming education management in market economy and the role of the State from the perspective of education management.